BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần In Hàng không

Năm báo cáo: Năm 2012

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần In Hàng không (Aviation Printing Joint Stock Company)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Công ty Cổ phần In Hàng không hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2005 và thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 8 ngày 18 tháng 12 năm 2012.
- Vốn điều lệ: 21.419.280.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 21.419.280.000 đồng
- Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (04) 38 720 376
- Số fax: (04) 38 725 372
- Website: aviprint.com.vn
- Mã cổ phiếu: HIK

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần In Hàng không được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty In Hàng không trực thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam theo Quyết định số 1900/QĐ-BGTVT ngày 07/06/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009389 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2005 với vốn Điều lệ 17.000.000.000 đồng.

Ngày 04/03/2010 chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tháng 10/2010, Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung 441.928 cổ phiếu (phát hành thêm từ chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng) đưa tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.141.928 cổ phiếu, tương đương với tổng giá trị chứng khoán giao dịch là 21.419.280.000 đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sữa tách bơ và bơ, gia vị, nước chấm, nước sốt, giấm);
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Khai thác muối;
- Bán buôn thực phẩm;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Dịch vụ đóng gói;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm).

– Địa bàn kinh doanh: Ngoài trụ sở chính tại Hà Nội, hiện nay công ty có hai chi nhánh Miền nam và Miền trung

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

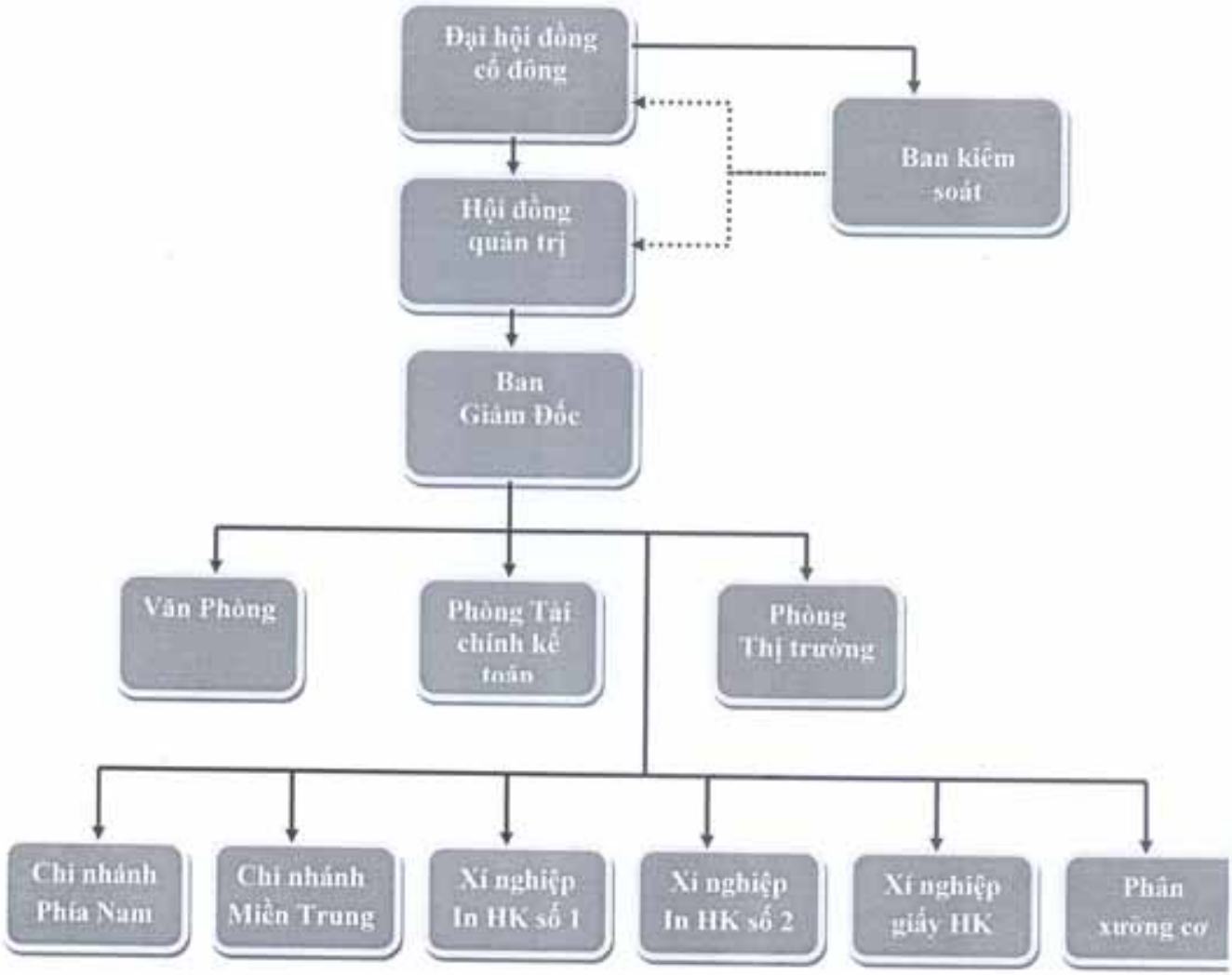

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Tiếp tục theo đuổi mục tiêu dài hạn, hướng vào sản phẩm phục vụ ngành Hàng không.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Đảm bảo kinh doanh có hiệu quả tốt và tăng trưởng bền vững;

+ Phát huy mọi tiềm lực hiện có, đặc biệt coi trọng tính bền vững và chất lượng tăng trưởng trên cơ sở nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch và

hiệu quả đầu tư, áp dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng trong sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm trong doanh nghiệp.

6. Các rủi ro:

Rủi ro về kinh tế:

- Sản phẩm in ấn của Công ty Cổ phần In Hàng không bao gồm các sản phẩm vé máy bay, catalogue, giấy ăn, túi nilon, túi nôn bao bì các loại... là các sản phẩm thiết yếu phục vụ cho các nhu cầu hàng ngày. Do vậy nền kinh tế phát triển nhanh hay chậm thì người dân cũng như các doanh nghiệp vẫn rất cần đến các sản phẩm nói trên. Tuy nhiên khi nền kinh tế phát triển thì những nhu cầu này cũng tăng lên theo.

- Nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua luôn tăng trưởng thấp do đó rủi ro nền kinh tế trong trường hợp đối với mảng sản xuất in ấn này cũng là điều đáng quan ngại.

Rủi ro về pháp luật:

- Là một công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, luật thuế... và các Nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan.

- Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến việc cấp phép đầu tư vào các dự án mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

Rủi ro về kinh doanh:

- Sản phẩm chính của Công ty là các sản phẩm in ấn, được tiêu thụ trong nước, thị trường tương đối ổn định không có biến động lớn về giá cũng như cung cầu, sản phẩm hoàn thiện được giao ngay nên không xảy ra tồn đọng.

- Bên cạnh các sản phẩm truyền thống như giấy ăn và sản xuất cốc giấy phục vụ công ty mẹ là Tổng công ty Hàng không Việt Nam, các sản phẩm in như túi đựng, catalogue, sổ sách, tạp chí được Công ty in theo đơn đặt hàng. Do vậy những rủi ro đặc thù kinh doanh không phải là vấn đề lớn đối với doanh nghiệp.

Rủi ro biến động giá cổ phiếu:

Việc Công ty Cổ phần In Hàng không đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty Cổ phần In Hàng không đã chủ động xây dựng và ban hành quyết định về quy trình công bố thông tin đối với một đơn vị đăng ký giao dịch nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Thuận lợi:

- Năm 2012, Công ty tiếp tục được Tổng công ty hỗ trợ giao kế hoạch cung cấp sản phẩm nội bộ.
- Các giải pháp kinh tế vĩ mô đã góp phần tác động tới giá nguyên vật liệu có chiều hướng giảm vào những tháng cuối năm 2012.
- Với định hướng chiến lược là đầu tư để phục vụ ngành vận tải Hàng không, rủi ro kinh doanh của Công ty sẽ gắn liền với những thay đổi của thị trường Hàng không trong nước và quốc tế.

1.2. Khó khăn:

Năm 2012, Công ty tiếp tục gặp khó khăn do suy giảm kinh tế toàn cầu và trong nước.

Về thị trường: Năm 2012 chứng kiến sự suy giảm mạnh sức cầu của thị trường cả trong và ngoài ngành, cạnh tranh ngày càng gay gắt do cầu ít, lãi suất và giá nhiên liệu liên tục diễn biến khó lường tác động trực tiếp đến doanh thu, sản lượng và kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Từ quý 1 đến quý 2 một số nguyên vật liệu chính vẫn trong xu hướng tăng hoặc giữ giá, sang quý 4 có chiều hướng giảm do tổng cầu tiếp tục không khả quan các doanh nghiệp chấp

nhận giải phóng hàng tồn kho để giảm áp lực vốn, song thị trường không tăng, vẫn duy trì ở mức thấp mùa cao điểm.

Về vốn: Vốn chủ sở hữu không tăng được, vốn vay lãi suất cao khó khăn trong cân đối nguồn vốn kinh doanh, nhất là trong khi thị trường suy giảm việc tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất thấp khó đối với các doanh nghiệp sản xuất, mặc dù lãi suất có hạ theo chỉ đạo ngân hàng nhà nước như ngắn hạn khoảng 13%/năm (bắt đầu từ tháng 8 trở lại đây) nhưng vẫn còn cao đối với sản xuất dẫn tới việc chiếm dụng vốn lẫn nhau trong quá trình kinh doanh là điều khó tránh khỏi.

Về năng lực in: Việc đồng bộ hóa dây chuyền nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đã được Công ty định hướng từ KH đầu năm 2012, tuy nhiên thị trường chứng khoán vẫn suy giảm trong năm nên khó khăn cho việc huy động nguồn vốn để đầu tư, trong khi máy móc thiết bị, nhà xưởng phần lớn đã cũ làm tăng chi phí sửa chữa và hao hụt vật tư đồng thời chưa đáp ứng được các đơn đặt hàng đối tác đòi hỏi công nghệ in tiêu chuẩn cao.

Về lao động: Do khó khăn, việc giảm, thu nhập không cao thiếu ổn định, cạnh tranh khốc liệt, nhân lực ngành in dịch chuyển nhiều, phần lớn chuyển sang ngành nghề khác không chỉ đối với Công ty In Hàng không mà trong tất cả các công ty in đang lâm vào tình trạng này, đây là khó khăn đối với doanh nghiệp trong việc duy trì đội ngũ lao động có tay nghề.

1.3. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012(đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán AASC)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012 ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ % TH/KH năm 2012	Tỷ lệ % TH/cùng kỳ năm 2011
1	Tổng doanh thu	1.000 VNĐ	140.041.085	126.814.468	90,56	100,91
	Trong đó xuất khẩu	*1.000 VNĐ*	*4.122.130*	*8.057.477*	*195,47*	*159,19*
2	Tổng chi phí	1.000 VNĐ	135.869.631	123.292.395	90,74	99,84
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 VNĐ	4.171.454	3.522.073	84,43	161,43
4	Tổng mức đầu tư	1.000 VNĐ	6.405.000	5.028.377	78,51	145,42
5	Tổng nộp ngân sách	1.000 VNĐ	6.065.085	5.637.471	92,95	109,00
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ/CP	1.460,64	1.229,86	84,20	161,19
7	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000 VNĐ	21.419.280	21.419.280	100,00	100,00

Nguyên nhân khách quan do những khó khăn nêu trên cụ thể như sau:

- Giá vốn tăng nhanh do giá vật tư đã hình thành mặt bằng giá mới từ năm 2011, cạnh tranh ngày càng gay gắt.

- Định hướng chiến lược của công ty là cung ứng các sản phẩm cho ngành hàng không. Do vậy, nếu sản lượng của VNA sụt giảm sẽ tác động trực tiếp đến kế hoạch doanh thu, sản lượng của công ty;

- Chi phí tiền thuê đất tăng;

- Di dời chi nhánh phía Nam trả lại mặt bằng cho TCT làm phát sinh nhiều chi phí như tiền thuê mặt bằng, thuê văn phòng, di chuyển máy móc thiết bị, vật tư, cước vận chuyển.

- Lương tối thiểu Nhà nước tăng lên từ 01/10/2011 với tỷ lệ khá cao, làm tăng các chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của công ty;

Nguyên nhân chủ quan:

Khi xây dựng kế hoạch năm 2012 công ty đã kỳ vọng đạt được chỉ tiêu lợi nhuận cao hơn năm 2011 nhưng đã không đánh giá hết tình hình kinh tế khó khăn của năm 2012 và đặc biệt là sức giảm mạnh đối với thị trường Hàng không và ngoài ngành. Dẫn tới kế hoạch doanh thu, sản lượng và lợi nhuận không đạt được như kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Ban Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

1. Ông: Bùi Doãn Nề - Tổng giám đốc

Họ và tên:	**BÙI DOÃN NỀ**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/08/1956
Nơi sinh:	Đông La – Đông Hưng – Thái Bình
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 011787308; Cấp ngày 02/12/1999; Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đông La – Đông Hưng – Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	Số 01 ngõ 318 Nguyễn Văn Cừ - Gia Thụy – Long Biên – Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04. 3827 2851
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ kinh tế
Quá trình công tác:	- Từ 12/1974 đến 07/1978 là chiến sĩ Binh đoàn 909 - Từ 08/1978 đến 02/1979 là học viên tại Trường Sĩ quan chính trị - Từ 03/1979 đến 12/1989 là sĩ quan quân đội tại E919 – Binh đoàn 909 - Từ 1984 đến 1988 Đại học Kinh tế Quốc dân - Từ 01/1990 đến 08/1994 là Giám đốc Xưởng In Hàng không thuộc Cục chính trị. - Từ 09/1994 đến 05/2005 là Giám đốc Công ty In Hàng không thuộc Tổng công ty Hàng không VIệt Nam. - Từ 1997 đến 2000 cao học kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân - Từ 2000 đến 2002 nghiên cứu sinh - Đại học Kinh tế Quốc dân - Từ 06/2005 đến 06/2009 là Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng không. - Từ 07/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng không.
Chức vụ hiện tại:	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng không
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch Hội In Hà Nội, Phó Chủ tịch Hiệp hội In Việt Nam, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp Hàng không Việt Nam.

2. Ông: Nguyễn Minh Tuấn - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	**NGUYỄN MINH TUẤN**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/03/1958
Nơi sinh:	Hải Phòng
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 010442147; Cấp ngày 06/05/2005; Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bạch Hạc, Việt Trì, Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	22 ngõ 2, Phương Mai - Đống Đa Hà Nội.

Điện thoại liên lạc:	04.38272851 (206)
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác:	- Từ 4/1980: Cục Tài vụ Tổng cục HKDDVN. - Từ 1989 đến 5/2005: Kế toán trưởng Xí nghiệp In Hàng không. - 10/2005 đến 30/5/2010: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng không. - 30/5/2010 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng không.
Chức vụ hiện tại:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần In Hàng không
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

3. Ông: Phạm Quang Thiệp - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	**PHẠM QUANG THIỆP**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/04/1977
Nơi sinh:	Tam Quang - Vũ Thư - Thái Bình
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 013161708; Cấp ngày 10/03/2009; Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tam Quang - Vũ Thư - Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	Tổ 7- Phường Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04. 38272851 (ext 288)
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân điện tử viễn thông, Kỹ sư Công nghệ in, Thạc sỹ quản lý khoa học công nghệ.
Quá trình công tác:	- Từ 10/2000 đến 5/2001: Nhân viên Phân xưởng Flexo. - Từ 6/2001 đến 6/2004: Nhân viên Tổ vi tính Phân xưởng Chế bản. - Từ 7/2004 đến 3/2006: Chuyên viên phòng Kế hoạch sản xuất Kiêm trưởng ban Quản lý chất lượng. - Từ 4/2006 đến 3/2007: Trưởng phòng Quản lý chất lượng. - Từ 4/2007 đến 6/2007 : Xưởng trưởng Xưởng Flexo - Từ 7/2007 đến 6/2009: Giám đốc Xí nghiệp In Hàng không số 2 kiêm đại diện lãnh đạo.

	- Từ 6/2009 đến 30/5/2010: Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Xí nghiệp In Hàng không số 2. - Từ 30/5/2010 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Xí nghiệp In Hàng không số 2.
Chức vụ hiện tại:	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp In Hàng không số 1
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

4. Ông: Ngô Xuân Giảng - Kế toán trưởng

Họ và tên:	**NGÔ XUÂN GIẢNG**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/10/1973
Nơi sinh:	Thanh Hà, Hải Dương
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 013004479; Cấp ngày 08/09/2007; Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thanh Hà, Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	Phòng 206 nhà D5 Tập thể Phương Mai, Q. Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04. 38720376 (Ext 301)
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế, Cử nhân luật
Quá trình công tác:	- Từ năm 1997 đến năm 1998 nhân viên phòng Kế hoạch Sản xuất Công ty In Hàng không. - Từ năm 1998 đến năm 2001 kế toán Tổng hợp phòng Tài chính - Kế toán Công ty In Hàng không. - Từ năm 2002 đến 2005 Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty In Hàng không. - Từ tháng 10/2005 đến nay là Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần In Hàng không.
Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng - Trưởng phòng Tài chính - kế toán
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tổng số lao động kết thúc ngày 31/12/2012 là 255 người, được Công ty trích lập BHXH,

BHYT, BHTN cho người lao động theo đúng quy định, được mua bảo hiểm tai nạn lao động, được hưởng các chế độ khác theo quy định của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tổng mức đầu tư năm 2012 là 5.162 triệu đồng đạt 80,6% kế hoạch, bằng 149,3% so với cùng kỳ, công ty bám sát danh mục đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt, đầu tư có trọng điểm, tạm dừng một số danh mục đầu tư chưa thực sự cấp thiết, tận dụng năng lực thiết bị hiện có. Sau khi cân nhắc tính toán lợi, hại, lựa chọn thời điểm của thị trường dự án đầu tư máy in flexo 6 màu gốc nước bổ sung năng lực in bao bì đến cuối năm 2012 mới đầu tư, thay vì dự kiến đầu tư theo kế hoạch là hoàn thành cuối quý 3 năm 2012. Cuối năm 2012 đã thực hiện xong việc di dời và xây dựng nhà xưởng chi nhánh phía Nam.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	47.416.302.098	46.862.967.937	-1,17
Doanh thu thuần	124.593.272.176	126.042.633.662	+1,16
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.343.046.487	16.271.243.418	+13,44
Lợi nhuận khác	930.607.284	734.539.259	-21,07
Lợi nhuận trước thuế	2.181.858.990	3.522.073.598	+61,42
Lợi nhuận sau thuế	1.633.239.521	2.634.262.725	+61,29
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5,77	10,41	+80,41

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,78	1,90	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	1,09	1,31	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,48 (48%)	0,45 (45%)	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,92 (92%)	0,81 (81%)	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	6,78	8,30	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,63	2,69	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,31%	2,09%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0661	0.1015	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,44%	5,62%	
.....	1,00%	2,21%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 2.141.928 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.141.928 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Năm nay
Cổ đông sáng lập	11.662.470.000
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	10.924.200.000
Nhà Xuất bản Khoa học Kỹ thuật	-
Công ty Cổ phần Thương mại và In Trường Đạt	738.270.000
Cổ đông khác	9.756.810.000
Cộng	**21.419.280.000**

- Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Cổ đông	Số Đăng ký	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị	Tỷ lệ

	kinh doanh			(VND)	
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	110824	200 Đường Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà nội	1.092.420	10.924.200.000	51%

- Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	1.092.420	10.924.200.000	51%	Đại diện: Ông Bùi Doãn Nề Ông Nguyễn Đình Tùng Bà Lê Kim Phượng
2	Nhà Xuất bản Khoa học Kỹ thuật	-	-	-	-
3	Công ty Cổ phần Thương mại và In Trường Đạt	73.827	738.270.000	3,45 %	Đại diện: Ông Đặng Quang Chính

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

Năm 2012, tiếp tục ảnh hưởng do suy thoái kinh tế, nhiều doanh nghiệp phải cố gắng duy trì thu hẹp sản xuất nhằm tạo cơ hội phục hồi. Sự suy giảm mạnh sức cầu của thị trường cả trong và ngoài ngành, cạnh tranh ngành in ngày càng gay gắt do cầu thấp, chi phí vật tư, lãi suất và giá nhiên liệu liên tục diễn biến khó lường tác động trực tiếp đến doanh thu, sản lượng và kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của HĐQT, sự cố gắng và nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, Ban điều hành công ty đã điều hành công ty vượt qua khó khăn đạt được những kết quả nhất định, bảo đảm việc làm, đời sống người lao động ổn định và duy trì được lợi nhuận ở mức hợp lý.

2. Tình hình tài chính.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012(đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán AASC)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012 ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ % TH/KH năm 2012	Tỷ lệ % TH/cùng kỳ năm 2011
1	Tổng doanh thu	1.000 VNĐ	140.041.085	126.814.468	90,56	100,91
	Trong đó xuất khẩu	*1.000 VNĐ*	*4.122.130*	*8.057.477*	*195,47*	*159,19*
2	Tổng chi phí	1.000 VNĐ	135.869.631	123.292.395	90,74	99,84
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 VNĐ	4.171.454	3.522.073	84,43	161,43
4	Tổng mức đầu tư	1.000 VNĐ	6.405.000	5.028.377	78,51	145,42
5	Tổng nộp ngân sách	1.000 VNĐ	6.065.085	5.637.471	92,95	109,00
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	1.460,64	1.229,86	84,20	161,19
7	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000 VNĐ	21.419.280	21.419.280	100,00	100,00

Các chỉ tiêu phân tích báo cáo tài chính năm 2012, cơ bản tốt và nằm trong giới hạn an toàn.

STT	Nội dung	Năm 2012	Năm 2011
1.	Khả năng thanh toán		
	- Tỷ lệ thanh toán hiện hành (TSLĐ / Nợ ngắn hạn)	1.90	1.78
	- Tỷ lệ thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền / Nợ ngắn hạn)	0.39	0.15
2.	Chỉ tiêu cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
	- Tài sản cố định / Tổng tài sản	21,52%	13,25%
	- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	76,02%	83,67%
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	44,62%	47,90%
	- Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	55,38%	52,10%
3.	Tỷ suất sinh lời		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	2,09%	1,31%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	5,59%	3,78%
	- Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) = Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH bình quân	0.10	0.07
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12,30%	7,63%
	- Lãi cơ bản / Cổ phiếu	1.230	764

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Về sản xuất kinh doanh: Năm 2012 ngay từ đầu năm được đánh giá là năm thực sự khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo đã chủ động theo sát tình hình, tập trung chỉ đạo, điều hành, sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Năm 2012, đã giữ

vững được mặt hàng xuất khẩu muối tiêu cho các hãng hàng không trong và ngoài nước. Trong bối cảnh cầu sức cầu tiêu dùng sụt giảm mạnh, công ty đã triển khai các giải pháp linh hoạt như giảm lượng dự trữ tồn kho ở mức hợp lý, nhưng vẫn đảm bảo cho sản xuất không bị gián đoạn, rút ngắn thời hạn thanh toán ưu đãi về giá bán cho những khách hàng thanh toán ngay, đẩy nhanh vòng quay vốn;

+ Về đầu tư: Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch năm 2012, lãnh đạo công ty đã chủ động đánh giá, rà soát lại năng lực sản xuất và kiên quyết dừng triển khai các dự án đầu tư chưa thực sự cấp thiết tập trung khai thác tốt máy móc thiết bị hiện có giảm rủi ro cho doanh nghiệp. Cuối năm 2012 đầu tư xong máy in flexo 6 màu mực gốc nước mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm mới về bao bì nhãn mác.

+ Ban giám đốc công ty đã bám sát vào các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và diễn biến của thị trường xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt. Giữ vững được thị trường truyền thống, phát triển những thị trường tiềm năng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

+ Các biện pháp kiểm soát: Chủ động giao trách nhiệm cho từng bộ phận, cá nhân trong công ty, có chế độ khen thưởng cho tập thể, cá nhân làm tốt và kỷ luật các trường hợp vi phạm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý cũng như chính sách đối với người lao động năm 2012 đã được Hội đồng quản trị ban hành và đã được thực hiện. Công ty tiếp tục duy trì và củng cố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2008, công tác đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được thực hiện hàng năm.

- Bám sát mục tiêu nhiệm vụ để thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

- Đối với chính sách cho người lao động, Công ty luôn đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị quần áo bảo hộ lao động, bồi dưongcx độc hại của Công ty được thực hiện thường xuyên và kịp thời.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Vào thời điểm thích hợp sẽ triển khai kế hoạch tăng vốn Điều lệ phục vụ cho công tác đầu tư đổi mới trang thiết bị máy móc, mở rộng sản xuất cùng với sự phát triển của ngành Hàng không, tăng năng lực cạnh tranh với thị trường ngoài ngành. Tiếp tục theo đuổi mục tiêu dài hạn hướng vào sản phẩm phục vụ ngành Hàng không.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2012 là năm nền kinh tế chịu nhiều khó khăn, nên kinh tế vĩ mô chưa ổn định, đồng thời một số chính sách kiềm chế lạm phát và hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn chưa phát huy hết tác dụng. Trong tình hình chung đó công ty cũng phải chịu không ít khó khăn. Nhưng với những nỗ lực trong công tác điều hành và sản xuất, công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ so với kế hoạch đề ra trong điều kiện thị trường có nhiều yếu tố không thuận lợi. Trong đó: Tổng doanh thu 126.814.468.000 đồng đạt 90,56% so với kế hoạch, tăng 0,91% so với năm 2011. Tổng lợi nhuận trước thuế là 3.522.073.000 đồng đạt 84,43% so với kế hoạch, tăng 61,43% so với năm 2011.

Kết quả đạt được năm 2012 thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Hội đồng quản trị trong công tác chỉ đạo cũng như đề ra các giải pháp kịp thời ổn điịnh và phát triển sản xuất kinh doanh. Giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của doanh nghiệp, tập trung mọi nguồn lực để đạt được những kế hoạch và mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Duy trì và tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp để ứng phó kịp thời với các diễn biến bất thường của nền kinh tế.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm vừa qua, Ban giám đốc đã triển khai, vận dụng đúng và linh hoạt các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra. Đồng thời, điều hành và duy trì bộ máy hoạt động tốt trong điều kiện nên kinh tế gặp nhiều khó khăn để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được hiệu quả cao nhất.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Xây dựng chính sách kinh doanh linh hoạt nhằm ứng phó có hiệu quả trước tình hình đã được dự báo là có rất nhiều khó khăn; nghiên cứu và nắm bắt thông tin kinh tế, thị trường để kịp thời có những đối sách chính xác, có các biện pháp phù hợp và hiệu quả.

Tiếp tục củng cố, sắp xếp và kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy quản lý điều hành; phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng; tăng cường vai trò chủ động, linh hoạt của các phòng chức năng và đơn vị thành viên nhằm đưa các hoạt động của Công ty vào quy chuẩn, nề nếp.

Củng cố, duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng truyền thống, phát triển khách hàng mới, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, đa dạng loại hình sản phẩm – dịch vụ của Công ty đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính, triển khai thực hiện những danh mục đầu tư có hiệu quả. Sử dụng nhiều biện pháp để khai thác hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu nhằm mang lại tối đa tỷ suất lợi nhuận trên vốn; tăng cường kiểm soát dự trữ hàng tồn kho, giám sát tốt tình hình công nợ, quản lý chi phí tiết kiệm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tiền lương hiệu quả làm đòn bẩy kích thích sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty, đơn vị và người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị : gồm có 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP Sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Bùi Doãn Nề	Chủ tịch HĐQT Kiêm TGĐ	Đại diện vốn góp của TCTHKVN, ngoài ra còn sở hữu 28.389 cổ phần	1,33%
2	Nguyễn Thái Linh	Thành viên HĐQT	81.345	3,79%
3	Phạm Quang Thiệp	Thành viên HĐQT	1.735	0,081%

4	Nguyễn Bá Nhật	Thành viên HĐQT	Đại diện vốn góp của TCTHKVN	
5	Lê Kim Phượng	Thành viên HĐQT	Đại diện vốn góp của TCTHKVN	

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hiện có 05 thành viên với nhiệm kỳ tối đa là 05 năm. Hội đồng quản trị có những nhiệm vụ:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển Công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ giữ chức vụ quản lý Công ty.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch hoạt động của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Các quy định khác được quy định tại điều lệ Công ty.

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012 đã tổ chức 01 kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, 03 kỳ họp Hội đồng quản trị 04 kỳ họp lấy ý kiến bằng văn bản.

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	25/NQ-HĐQT-CPINHK	15/02/2012	Phê duyệt quy chế tiền lương và thu nhập
02	26/QĐ-HĐQT-CPINHK	30/3/2012	Phê duyệt quy chế tiền lương và thu nhập
03	27/NQ-HĐQT-CPINHK	07/4/2012	Phê duyệt tổng quỹ lương năm 2011
04	28/QĐ-HĐQT-CPINHK	08/4/2012	Phê duyệt tổng quỹ lương năm 2011
05	30/NQ-HĐQT-CPINHK	17/4/2012	Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm

			2011 và triển khai thực hiện hoạt động SXKD năm 2012
06	32/NQ-ĐHĐCĐ-CPINHK	18/5/2012	- Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2011, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ , thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, chia cổ tức năm 2011. - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2012. - Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2012.
07	34/NQ-HĐQT-CPINHK	20/6/2012	Phê duyệt hạn mức vay vốn lưu động tại các Ngân hàng TM.
08	35/QĐ-HĐQT-CPINHK	20/6/2012	Phê duyệt hạn mức vay vốn lưu động tại các Ngân hàng TM.
10	37/NQ-HĐQT-CPINHK	03/08/2012	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012, thông qua chủ trương đầu tư máy và công tác tổ chức cán bộ.
11	44/QĐ-HĐQT-CPINHK	18/9/2012	Nghị quyết phiếu xin ý kiến phê duyệt dự án và hình thức đầu tư máy in Flexo 6 màu đã qua sử dụng của Công ty CP In Hàng không.
12	47/NQ-HĐQT-CPINHK	03/11/2012	Thông qua kết quả hoạt đông sxkd 9 tháng đầu năm 2012, Thông qua quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo của Công ty CP In HK và thông qua hồ sơ để Chi nhánh làm các thủ tục đăng ký kinh doanh.
13	49/QĐ-HĐQT-CPINHK	05/11/2012	Quyết định phê duyệt Hợp đồng cung cấp máy in Flexo 6 Mark Andy 4150-16B 6 màu đã qua sử dụng thuộc dự án đầu tư máy in Flexo đã qua sử dụng của Công ty CP In Hàng không.
14	48/QĐ-HĐQT-CPINHK	05/11/2012	Phê duyệt quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo Công ty
15	49/QĐ-HĐQT-CPINHK	05/11/2012	Phê duyệt Hợp đồng cung cấp máy in Flexo Andy 4150-16B 6 màu đã qua sử dụng thuộc dự án đầu tư máy in Flexo đã qua sử dụng.
16	02/ NQ-HĐQT-CPINHK	07/01/2013	Nghị khen thưởng năm 2012
17	03/QĐ-HĐQT-CPINHK	07/01/2013	Quyết định khen thưởng năm 2012
18	04/ NQ-HĐQT-CPINHK	21/3/2013	Nghị quyết phê duyệt quỹ lương năm 2012

19	05/ QĐHĐQT-CPINHK	21/3/2013	Quyết định phê duyệt quỹ lương năm 2012

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP Sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Đặng Quang Chính	Trưởng ban kiểm	Đại diện cổ phần của Công ty CP TM và In Trường Đạt 73.872 CP	3,44%
2	Lê Thị Thu Lan	Thành viên BKS	Đại diện cho phần vốn của Tổng công ty HKVN	
3	Phạm Thị Thanh Nhàn	Thành viên BKS	5.040	0,235%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ 2012 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành từ tháng 5/2012 đến tháng 4/2013 để lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động của Ban.

- Ban Kiểm soát đã tiến hành họp 04 kỳ để triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo đúng qui định, các nội dung kiểm soát trong kỳ bao gồm các nội dung sau:

+ Kiểm tra tình hình triển khai và thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2012. (Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, thù lao HĐQT, BKS, chia cổ tức 2011, thực hiện kế hoạch SXKD đến 30/6/2012)

+ Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD đến 30/9/2012 và báo cáo tài chính quý 3/2012,

+ Soát xét công nợ quá hạn khó đòi đã khuyến cáo trong năm 2011, quy trình mua sắm hàng hóa nguyên vật liệu, quy trình nhập xuất và quản lý thành phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu tại Công ty.

+ Soát xét báo cáo tài chính 2012 sau kiểm toán, chuẩn bị nội dung báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ năm 2013.

+ Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành năm 2012.

- Sau các cuộc họp, Ban kiểm soát đều thông báo kết quả làm việc tới HĐQT và Ban Giám đốc Công ty bằng văn bản.

- Ban kiểm soát đã cử đại diện tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT trong kỳ.

- Đề xuất các công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2012:

- Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2012: 96.000.000 đồng (5 thành viên)

Chủ tịch: 2.000.000 đồng/tháng

Bốn thành viên, mỗi thành viên: 1.500.000 đồng/tháng

- Thù lao Ban kiểm soát: 42.000.000 đồng (3 thành viên)

Trưởng ban: 1.500.000 đồng/tháng

Hai thành viên, mỗi thành viên: 1.000.000 đồng/tháng

- Thu nhập Ban Tổng giám đốc: Tổng giám đốc điều hành và hai (02) Phó tổng giám đốc là: 389.434.282 đồng/năm

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012	1/1/2012
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**35.626.507.152**	**39.674.986.978**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**7.354.464.156**	**3.301.146.880**
1. Tiền	111	V.01	7.354.464.156	3.301.146.880
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**16.456.261.881**	**20.124.256.226**
1. Phải thu của khách hàng	131		17.326.146.366	17.852.065.575
2. Trả trước cho người bán	132		27.910.394	2.832.313.252
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	175.352.022	88.084.682
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.073.146.901)	(648.207.283)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**11.032.780.324**	**15.418.709.936**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	11.032.780.324	15.418.709.936
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**783.000.791**	**830.873.936**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		625.087.469	325.254.782
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	10.762.309	288.751.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	147.151.013	216.868.154
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**11.236.460.785**	**7.741.315.120**
II. Tài sản cố định	**220**		**10.085.223.809**	**6.280.793.436**

1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	10.085.223.809	6.280.793.436
- Nguyên giá	222		60.557.406.236	55.956.500.024
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(50.472.182.427)	(49.675.706.588)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.151.236.976**	**1.460.521.684**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	953.236.976	1.412.521.684
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	198.000.000	48.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**46.862.967.937**	**47.416.302.098**
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**20.908.345.921**	**22.711.044.688**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**18.787.245.921**	**22.304.126.688**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	3.696.142.073	4.265.067.208
2. Phải trả người bán	312		12.501.311.219	15.823.273.470
3. Người mua trả tiền trước	313		750.268.563	524.312.759
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	865.429.559	1.045.493.251
5. Phải trả người lao động	315		309.158.131	621.659.033
6. Chi phí phải trả	316	V.18	524.888.000	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	320.409.558	186.914.063
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(180.361.182)	(162.593.096)
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.121.100.000**	**406.918.000**
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	2.121.100.000	406.918.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**25.954.622.016**	**24.705.257.410**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.23**	**25.954.622.016**	**24.705.257.410**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.419.280.000	21.419.280.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		640.303.320	568.075.360
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		520.378.354	448.150.394
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.374.660.342	2.269.751.656
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**46.862.967.937**	**47.416.302.098**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	126.042.633.662	124.594.087.176
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			815.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126.042.633.662	124.593.272.176
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	109.771.390.244	110.250.225.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.271.243.418	14.343.046.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	37.246.038	140.592.097
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	466.346.526	619.935.967
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*454.648.871*	*600.039.970*
8. Chi phí bán hàng	24		2.838.094.418	2.324.126.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.216.514.173	10.288.324.068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.787.534.339	1.251.251.706
11. Thu nhập khác	31		734.586.966	933.710.980
12. Chi phí khác	32		47.707	3.103.696
13. Lợi nhuận khác	40		734.539.259	930.607.284
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.522.073.598	2.181.858.990
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	887.810.873	548.619.469
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.634.262.725	1.633.239.521
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.229,86	762,51

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		138.609.858.783	136.114.945.744
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(108.638.109.334)	(108.992.180.146)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.417.612.134)	(9.980.265.613)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(454.648.871)	(599.883.620)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(763.171.008)	(466.924.333)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		780.028.541	5.443.850.749
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.571.980.217)	(22.840.127.109)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***8.544.365.760***	***(1.320.584.328)***
	II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.483.821.817)	(2.232.745.747)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			45.454.545
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.628.706	41.347.003
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(4.401.738.566)***	***(1.464.126.017)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		8.230.480.067	10.101.146.213
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.085.223.202)	(5.663.178.405)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			(1.451.462.050)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.234.566.783)	-
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(89.309.918)***	***2.986.505.758***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**4.053.317.276**	**201.795.413**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**3.301.146.880**	**3.099.351.467**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**7.354.464.156**	**3.301.146.880**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Tham khảo trên Website: http://aviprint.com.vn và trang Website: http://www.ssc.gov.vn và trang Website: http://ezsearch.fpts.com.vn của Công ty Cổ phần chứng khoán FPT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG

Bùi Doãn Nề